TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 108/2025/HS-PT
Ngày 13/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 418/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Chu Hải N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm 108/2025/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

1. Bị cáo có kháng cáo: **Chu Hải N,** sinh năm 1980; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Tổ G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: BT M khu A, khu đô thị M, phường D, thành phố Hà Nội (trước đây là BT M02-22 khu A, khu đô thị M, phường L, quận H, thành phố Hà Nội); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Công ty Đ; Trình độ học vấn: 12/12; Là đảng viên Đảng có Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Chu Hải N; Con ông: Chu Văn L và con bà: Trương Thị V1; Vợ: Vũ Thị Thanh T; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2024. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo:

- Luật sư Trần Trung K - Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số A V, phường X, quận T, thành phố Hà Nội (nay là số A V, phường X, thành phố Hà Nội); có mặt.

- Luật sư Chu Thành N1, luật sư Trần Anh D và luật sư Phạm Lê T1 - Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng B số A B, quận H, thành phố

Hà Nội (nay là Tầng B số A B, phường B, thành phố Hà Nội); địa chỉ hiện nay: thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

3. Bị hại không kháng cáo, được Tòa án triệu tập: Ông Trần Chí T2, sinh năm 1974; Nơi thường trú: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Thôn A, xã N, tỉnh Hà Tĩnh); Nơi ở hiện nay: Số B phố H, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là Số B phố H, phường Ô, thành phố Hà Nội); có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, được Tòa án triệu tập: Ông Nguyễn Khắc K1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số B đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Số B đường N, phường N, tỉnh Khánh Hòa); vắng mặt.

5. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Khắc C, sinh năm 1964; nơi thường trú: Số B đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Số B đường N, phường N, tỉnh Khánh Hòa); Nơi ở hiện nay: Cục Q - Bộ C1; Số D đường P, phường M, quận C, thành phố Hà Nội (nay là Số D đường P, phường T, thành phố Hà Nội); vắng mặt.

- Bà Khương Phương H, sinh năm 1965; Nơi thường trú: Số H H, T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là Số H H, phường C, thành phố Hà Nội); Nơi ở hiện tại: Số D Â, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (nay là Số D Â, phường T, thành phố Hà Nội); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/9/2022, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố H tiếp nhận tin báo tố giác về tội phạm của ông Trần Chí T2, sinh năm 1974, trú tại: Số B phố H, quận Đ, thành phố Hà Nội tố cáo bị cáo Chu Hải N - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) của ông Trần Chí T2 thông qua Hợp đồng góp vốn vào dự án đầu tư khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ tại địa chỉ xã N và xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Kết quả điều tra xác định: Bị cáo Chu Hải N là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ). Giữa năm 2018, thông qua bà Khương Phương H (sinh năm 1965, trú tại: Số H H, phường T, quận H, thành phố Hà Nội) bị cáo N quen biết với ông Nguyễn Khắc C (sinh năm 1964, trú tại: Cục Q Bộ C1) và ông Trần Chí T2, sau đó bị cáo N đã giới thiệu với ông C và ông T2 về việc mình là chủ dự án nhà máy K2 đá cảnh, đá mỹ nghệ tại xã N và xã N, huyện S, tỉnh Sơn La và thuyết phục hai ông góp vốn đầu tư vào dự án. Do tin tưởng vào những lời giới thiệu của bị cáo Chu Hải N nên ông Trần Chí T2 đã đồng ý góp vốn vào dự án của Công ty Đ. Tuy nhiên, do thời gian này, ông T2 thường xuyên phải đi công tác nên đã giao tiền và ủy

quyền cho ông Nguyễn Khắc K1 (sinh năm 1970, trú tại: Số B, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) giúp ông T2 đứng tên ký Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Đ.

Ngày 07/9/2018, ông Nguyễn Khắc K1 đứng tên ký Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ số: 05-CTĐB/HĐHTGV với Công ty Đ (đại diện theo pháp luật là ông Chu Hải N - Chủ tịch Hội đồng quản trị), nội dung: Năm 2018, Công ty Đ có 50ha đất dự án nằm trong tổng thể 4.350ha thuộc dự án nhà máy khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ tại địa chỉ xã N và xã N, huyện S, tỉnh Sơn La với tổng mức đầu tư là 1.500.000.000.000 đồng (một nghìn năm trăm tỷ đồng). Thời hạn khai thác được cấp phép dự kiến từ 20 đến 30 năm. Thời gian thực hiện đầu tư, xây dựng, khai thác dự kiến quý III năm 2019 và đi vào hoạt động ra sản phẩm vào quý IV năm 2019. Công ty Đ đồng ý cho ông Nguyễn Khắc K1 góp vốn để đầu tư vào dự án số tiền là 116.550.000.000 đồng (tương đương 5 triệu USD). Sau khi dự án đi vào hoạt động thì ông K1 sẽ được hưởng số tiền tương ứng 0,23% lợi nhuận (số tiền tạm tính là 60% doanh thu của 5 vạn tấn/tháng). Ông K1 có trách nhiệm chuyển tiền cho Công ty Đ trong 03 ngày sau khi ký hợp đồng. Số tiền chuyển được Công ty Đ lập phiếu thu của Công ty. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Khắc K1 được rút vốn vào quý III năm 2019 và phải báo cho Công ty Đ trước 01 tháng.

Ngày 24/9/2018, theo thoả thuận, ông Nguyễn Khắc K1 chuyển khoản 20 tỷ đồng góp vốn từ tài khoản 401036930800001 của ông K1 thuộc Ngân hàng N2 vào tài khoản 8201102399999 mang tên Công ty Đ mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (M). Sau khi ủy quyền cho ông K1 góp vốn vào Công ty Đ, một thời gian không thấy dự án hoạt động, ông Trần Chí T2 tìm hiểu thấy dự án trên không có thật nên đã nhiều lần yêu cầu Công ty Đ trả lại tiền góp vốn nêu trên. Đến ngày 02/02/2019, Công ty Đ và ông T2 đã ký Biên bản thỏa thuận về việc rút vốn đầu tư hợp đồng số: 05-CTĐB/HĐHTGV, nội dung: Công ty Đ cho phép ông Trần Chí T2 rút toàn bộ vốn đầu tư số tiền 20 tỷ đồng mà ông Nguyễn Khắc K1 đã chuyển. Việc rút vốn sẽ được Công ty Đ chuyển khoản trả lại cho ông Trần Chí T2 vào thời điểm tháng 7/2019. Tuy nhiên, sau đó Công ty Đ chỉ trả được ông T2 số tiền 900.000.000 đồng. Số tiền còn lại: 19,1 tỷ đồng Công ty Đ khất nợ nhiều lần không trả cho ông T2, thể hiện qua các tài liệu: Biên bản thỏa thuận ngày 21/9/2019, Biên bản cam kết ngày 18/01/2020 ký giữa Công ty Đ và ông Trần Chí T2 và Công văn số: 01 ngày 17/4/2020, Công văn số: 02 ngày 17/11/2020 của Công ty Đ.

Tại Cơ quan điều tra, ông Trần Chí T2 và ông Nguyễn Khắc K1 trình bày phù hợp nội dung như nêu trên.

Lời khai của bị cáo Chu Hải N: Bị cáo Chu Hải N khai nhận có ký Hợp đồng, có nhận số tiền 20 tỷ đồng hợp tác góp vốn đầu tư khai thác đá cảnh, đá mỹ

nghệ theo Hợp đồng số: 05-CTĐB/HĐHTGV ngày 07/9/2018 giữa Công ty Đ (Bên A) và ông Nguyễn Khắc K1 (Bên B) đồng thời cũng thừa nhận dự án chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động. Tuy nhiên, bị cáo N cho rằng mình không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Trần Chí T2, trình bày lý do dự án khai thác đá trong Hợp đồng số: 05 trên chưa thực hiện được do tình hình dịch bệnh covid 19 dẫn đến việc xin cấp phép khai thác bị chậm so với kế hoạch. Về số tiền góp vốn 20 tỷ đồng góp vốn đã nhận, bị cáo Chu Hải N khai đã sử dụng vào việc triển khai thực hiện dự án nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, Công ty không làm ăn được nên bị cáo Chu Hải N chưa trả được cho ông Trần Chí T2 số tiền trên.

** Kết quả điều tra, xác minh:*

Xác minh tại T3 và khoáng sản - Bộ T4 xác định: Về dự án khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ tại địa chỉ xã N và xã N, huyện S, tỉnh Sơn La, Bộ T4 đã có văn bản gửi Bộ X về việc bổ sung 07 khu vực đá ốp lát, đá cảnh tại tỉnh Sơn La vào Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, đến nay chưa có Quyết định bổ sung các khu vực trên vào Quy hoạch. Vì vậy, khu vực trên chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản.

Xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh S xác định: Đến thời điểm hiện nay tỉnh Sơn La chưa thẩm định và cấp chủ trương đầu tư cho dự án Nhà máy khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ của Công ty Đ tại địa bàn các xã N và xã N, huyện S, tỉnh Sơn La.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Sơn La xác định: Tại địa bàn xã N, xã N huyện S, tỉnh Sơn La không có Dự án nhà máy khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ với tổng mức đầu tư là 1.500.000.000 đồng; Công ty Đ không có dự án nhà máy nào tại xã N, xã N huyện S, tỉnh Sơn La.

Xác minh tại Ngân hàng TMCP Q1 - Chi nhánh T5 xác định: Ngày 31/7/2018, Công ty Đ mở tài khoản số: 8201102399999 tại ngân hàng TMCP Q1 - Chi nhánh T5. Ngày 24/9/2018, ông Nguyễn Khắc K1 đã chuyển số tiền 20 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty Đ, nội dung: "Nguyễn Khắc K1 bổ sung vốn theo hợp đồng góp vốn số: 05-CTĐB.HĐHTGV".

Xác minh tại Chi cục thuế quận H, thành phố Hà Nội xác định: Đối với số tiền góp vốn 20 tỷ đồng mà ông Nguyễn Khắc K1 đã chuyển theo Hợp đồng góp vốn số: 05-CTĐB/HĐHTGV ngày 07/9/2018, Công ty Đ không thực hiện việc kê khai với cơ quan thuế. Kết quả trưng cầu giám định: Tại Kết luận giám định số: 4809/KL-KTHS ngày 21/7/2023 Phòng K3 - Công an thành phố H kết luận: Chữ ký đứng tên Chu Hải N trên Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ số: 05-CTĐB/HĐHTGV đề ngày 07/9/2018 giữa Chu Hải N và ông Nguyễn Khắc K1 với chữ ký đứng tên Chu Hải N trên mẫu so sánh là chữ do cùng

một người ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2025/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Chu Hải N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Chu Hải N 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/5/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Chu Hải N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Chu Hải N phải bồi thường trả ông Trần Chí T2 19,1 tỷ đồng. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Chu Hải N không thi hành khoản tiền trả bị hại. Bị cáo Chu Hải N còn phải chịu mức lãi suất cơ bản do ngân hàng N3 công bố đối với số tiền chậm thi hành án. "Trong trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/02/2025, bị cáo Chu Hải N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Chu Hải N thay đổi kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt, sang kêu oan.

Bị cáo Chu Hải N và người bào chữa, trình bày: Vụ việc có bản chất là quan hệ dân sự, hợp tác đầu tư, có rủi ro pháp lý được thể hiện rõ trong hợp đồng, và không có yếu tố gian dối nào cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo N, trong khi đây là dấu hiệu định tội bắt buộc của tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Theo đó người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác thì bị kết tội. Quá trình điều tra và truy tố có nhiều vi phạm nghiêm trọng, không đảm bảo tính đầy đủ và khách quan trong tố tụng, xác định sai tư cách người tham gia tố tụng. Do đó, chúng tôi kiến nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Chu Hải N phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật; Mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt là thỏa đáng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không nhận tội, nhưng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh mình vô tội và không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, đề nghị giữ nguyên phần quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các cơ quan tiến hành Tố tụng của Công an thành phố H thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, các quy định khác về điều tra, truy tố. Kết luận điều tra của Công an thành phố H, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, áp dụng với bị cáo là đúng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Kháng cáo của bị cáo Chu Hải N trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Những người tham gia tố tụng được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tuy nhiên bị hại ông Trần Chí T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc K1; người làm chứng ông Nguyễn Khắc C vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hành vi và tội danh của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo Chu Hải N tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để Kết luận: Từ giữa năm 2018, bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật và không có khả thi, bị cáo Chu Hải N đã làm cho ông Trần Chí T2 tin tưởng và ký Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ số: 05-CTĐB/HĐHTGV ngày 07/9/2018 với Công ty Đ do bị cáo Chu Hải N là đại diện theo pháp luật, đầu tư số tiền 20 tỷ đồng vào dự án nhà máy khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ tại địa chỉ xã N và xã N, huyện S, tỉnh Sơn La của

Công ty. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định dự án trên không có thật, Công ty Đ chưa được cấp phép đầu tư xây dựng nhà máy và khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ tại 02 xã trên, bản thân bị cáo Chu Hải N sau khi nhận tiền đã sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, không có khả năng trả lại tiền cho ông Trần Chí T2, chiếm đoạt của ông T2 số tiền 20 tỷ đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2.2] Về hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo Chu Hải N là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi gian dối ngay từ đầu để chiếm đoạt tài sản của bị hại bằng thủ đoạn ký Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư khai thác đá cảnh, đá mỹ nghệ số: 05-CTĐB/HĐHTGV ngày 07/9/2018 với Công ty Đ do bị cáo Chu Hải N là đại diện theo pháp luật với ông Trần Chí T2 (Ủy quyền cho ông Nguyễn Khắc K1 ký hợp đồng). Hành vi của bị cáo Chu Hải N làm mất trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc cho dư luận, làm giảm uy tín của các cơ quan hành chính Nhà nước, doanh nghiệp trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh và khai thác. Bản thân bị cáo là người có kiến thức, nhận thức pháp luật nhưng do chưa có ý thức tu dưỡng, rèn luyện đã phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào số tiền bị cáo chiếm đoạt, cũng như áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục nộp lại số tiền chiếm đoạt, nhân thân, hoàn cảnh gia đình và xử phạt bị cáo với mức hình phạt 20 năm tù là có căn cứ.

[3] Đề nghị của vị đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Hải N;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2025/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Chu Hải N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Chu Hải N 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/5/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Chu Hải N.

2. Về án phí: Bị cáo Chu Hải N phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 TANDTC;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- TTG số 1 - Công an thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người tham gia tố tụng khác (theo địa ch
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà